

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TUYÊN QUANG

Bản án số: 73/2025/HNGĐ-ST

Ngày 11-4-2025

V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Sự

Ông Hoàng Huy Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hứa Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11/4/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 12/2025/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc Không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ôn Văn T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn B Thái Bình, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn B Thái Bình, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Ôn Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị N sau một thời gian tự do tìm hiểu thì đã tiến tới hôn nhân vào năm 1995. Anh chị có được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng anh chị đã không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì lúc đó cưới là giáp tết và do thiếu hiểu biết nên đã không đi đăng ký. Sau khi cưới anh chị về chung sống với nhau tại thôn B Thái Bình, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm gì đến nhau. Anh chị ly thân nhau từ năm 2015, anh và 2 con ở thôn B Thái Bình, xã T còn chị N thì thường hay đi làm xa nhà, thi thoảng mới về thăm gia đình. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trở nên trầm trọng kéo dài, không thể đoàn

tự xây dựng hạnh phúc gia đình, thời gian ly thân nhau đã lâu. Vì vậy anh đề nghị Toà án nhân dân huyện H giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị N.

- Về con chung: Anh chị có 2 con chung tên là Ôn Văn H, sinh ngày 18/4/1996 và Ôn Đức M, sinh ngày 27/01/2010. Hiện cháu H đã trưởng thành, đã tự lao động. Sau khi Toà án giải quyết, anh có nguyện vọng nuôi cháu M mà không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án chị Lê Thị N không đến Toà án để làm việc. Toà án tiến hành xác minh, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Toà án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương với ông Triệu Đức H1, trưởng thôn 2 Thái Bình, xã T, kết quả thể hiện: Anh Ôn Văn T và chị Lê Thị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi được 2 bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương, anh T và chị N về cư trú tại thôn B Thái Bình, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T dính vào tệ nạn xã hội, nghiện ngập nhiều năm nay, đã từng đi tù về tội ma túy. Chị N khuyên bảo anh T nhưng không được nên đã dẫn đến vợ chồng lục đục, cãi chửi nhau. Thôn xóm cũng đã hoà giải cho anh chị nhiều lần về việc anh T đánh đập chị N nhưng không thành. Chị N không chịu được nên đã bỏ đi làm công nhân ở Bắc Ninh, thi thoảng mới về thăm gia đình. Thời gian trước, chị N và con trai lớn của anh chị đi làm ăn xa cũng gửi tiền về cho anh T xây nhà cửa, trang trải nợ nần. Nay anh T khởi kiện yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng với chị N, chính quyền địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, anh T và chị N có với nhau 02 con chung, tên là Ôn Văn H, sinh ngày 18/4/1996 và Ôn Đức M, sinh ngày 27/01/2010. Hiện cháu H đã trưởng thành, đã tự lao động. Còn cháu M đang ở cùng anh T tại địa phương. Về tài sản chung, anh T và chị N có nhà đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về nợ chung, anh T1 và chị N không có vay nợ chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn chị N mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ôn Văn T:

+ Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Ôn Văn T và chị Lê Thị N.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Ôn Đức M, sinh ngày 27/01/2010 cho anh Ôn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lê Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, vay nợ chung: Do đương sự xác định không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn anh Ôn Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Anh Ôn Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Lê Thị N, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị N có hộ khẩu thường trú tại thôn B Thái Bình, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Do đó Tòa án nhân dân huyện H thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự:

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không đến Tòa án để làm việc. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, vay nợ chung của các đương sự cũng như tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Việc bị đơn không đến Tòa án để làm việc thể hiện ý thức

không tuân thủ pháp luật, không thực hiện hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Toà án đã xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh Ôn Văn T và chị Lê Thị N chung sống như vợ chồng từ năm 1995 mà không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống tình cảm giữa anh T và chị N ban đầu bình thường, sau đó đến năm 2013-2015 thì sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chơi bời, đánh vào tệ nạn xã hội. Chị N bảo bao không được nên đã dẫn đến vợ chồng lục đục, cãi chửi nhau. Chị N không chịu được nên đã bỏ đi làm ăn xa nhà, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Anh chị đã ly thân nhau đã lâu, không ai quan tâm gì đến ai. Anh T2 xác định không còn tình cảm với chị N nên đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai người. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T2 và chị N là phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

* Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung, tên là Ôn Văn H, sinh ngày 18/4/1996 và Ôn Đức M, sinh ngày 27/01/2010. Hiện nay cháu H đã đủ tuổi trưởng thành, đã tự lao động. Hiện tại cháu M đang ở cùng anh T2 ở thôn B Thái Bình, xã T. Trong biên bản lấy lời khai của con chung, cháu M thể hiện nguyện vọng được sống cùng với bố vì lý do từ trước đến giờ cháu đều ở với bố. Chị N thường đi làm xa nhà, cháu lại đang học lớp 9 trường THCS T3. Để đảm bảo điều kiện học hành, tránh sự xáo trộn, sự phù hợp về phát triển tâm sinh lý và theo nguyện vọng của con, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu M cho anh T2 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

* Về tài sản chung, vay nợ chung: Do các đương sự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn anh Ôn Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn chị Lê Thị N không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ôn Văn T.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Ôn Văn T và chị Lê Thị N.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Ôn Đức M, sinh ngày 27/01/2010 cho anh Ôn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lê Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Nguyên đơn anh Ôn Văn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 06 ngày 13/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang, anh T đã nộp đủ án phí. Bị đơn chị Lê Thị N không phải chịu tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- UBND xã Thái Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Minh Ngọc

